TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2024/HSST
Ngày 27/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hùng Minh, bà Lộc Thị Kim Thơm

Thư ký phiên tòa*:* Bà Lý Thị Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HS, ngày 09/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lục Thị D**, sinh ngày 27/4/1985 tại tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Lục Văn Đ, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Lý Thị C, sinh năm 1959; Họ và tên chồng: Nguyễn Công H, sinh năm 1982 (đã ly hôn), con: có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/01/2021 bị TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc *(chấp hành xong bản án ngày 28/01/2022).*

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt).*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Hà D T, sinh năm 1989; Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1993 (bà M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông T). Cùng trú tại: Thôn 2, xã Trung T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 6/2023, trên địa bàn thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang: trong khi thực hiện các giao dịch dân sự cho vay tiền, bị cáo Lục Thị D đã cho Hoàng Thị M vay lãi nặng, cụ thể như sau:

- Ngày 30/3/2023, D cho M vay 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tuần (tương ứng với mức lãi suất 391,07%/năm, gấp 19.55 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Khi cho M vay tiền D không yêu cầu M viết viết giấy vay tiền mà quay lại video thể hiện nội dung D mua của M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision với giá 20.000.000 đồng, sau đó, D giữ lại giấy chứng nhận đăng kí xe, xe để cho M sử dụng. Đến ngày 10/5/2023, M đã trả cho D 10.000.000 đồng tiền gốc, ngày 16/5/2023, M trả xong 10.000.000 đồng tiền gốc. Tính từ 30/3/2023 đến ngày 16/5/2023 là 48 ngày (07 tuần), M đã trả cho D 4 lần tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0332755625 của D mở tại ngân hàng MBBank tổng số tiền là 10.100.000 đồng (Mận trả thiếu 400.000 đồng, D đồng ý cho). Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 526.027 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của M số tiền là 10.100.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền là 9.573.973 đồng.

- Ngày 03/6/2023, M hỏi vay 20.000.000 đồng, D đồng ý và sử dụng số tiền gốc 20.000.000 đồng – chính là số tiền đã được M trả lại cho D vào ngày 15/5/2023 và ngày 16/5/2023 để cho M vay lại, với lãi suất thỏa thuận trả theo tuần là 1.500.000 đồng/tuần (tương ứng với mức lãi suất 391,07%/năm, gấp 19.55 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). D không yêu cầu M viết giấy vay tiền mà tiếp tục sử dụng video đã quay về việc M bán xe cho D làm căn cứ bảo đảm cho khoản vay trên. Sau khi vay 01 tuần, do chưa có tiền trả, M thoả thuận với D sẽ trả lãi gộp 3.000.000 đồng/02 tuần cho khoản vay trên, D đồng ý. Từ ngày 03/6/2023 đến ngày 11/12/2023 là 191 ngày (27 tuần), M chưa trả được tiền nợ gốc và đã trả tiền lãi 12 lần cho D bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0332755625 của D mở tại ngân hàng MBBank tổng số tiền là 34.200.000 đồng (số tiền lãi theo thỏa thuận còn thiếu D đồng ý cho Mận). Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 2.093.150 đồng, trong khi đó bị cáo đã thu lãi của D số tiền là 34.200.000 đồng. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 32.106.850 đồng.

Như vậy, trong 02 giao dịch dân sự trên, tổng số tiền lãi mà D đã thu của M là 44.300.000đ: trong đó, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.619.177đ; số tiền thu lợi bất chính được xác định là 41.680.823đ.

Ngoài 02 giao dịch trên ra, kết quả điều tra còn xác định từ năm 2019 đến năm 2023, Lục Thị D còn cho: Hồ Văn H, trú tại thôn Làng Áp, xã K; Nguyễn Văn C trú tại thôn Làng Lan, xã K; Đặng Phương N, Hà Văn T, Hoàng Thị Tcùng trú tại thôn Đồng Phạ, xã K; Hoàng Thị H trú tại thôn Tân Minh, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên trong các giao dịch trên mức lãi suất cho vay chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, do đó không đủ cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý.

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 07/5/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã ban hành cáo trạng số 31/CT- VKSYS truy tố Lục Thị D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: Bị cáo Lục Thị D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lục Thị D 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung hình phạt tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về vật chứng: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý:

- Lưu hồ sơ vụ án 01 bì niêm phong 01 USB lưu giữ video ghi hình nội dung bà M bán xe máy cho bị cáo Duy; 01 bì niêm phong 01 USB ghi lời khai bị cáo D ngày 17/12/2023.

- Trả lại cho Lục Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 proMax;

- Trả lại cho Hoàng Thị M 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22013728, mang tên Hoàng Thị M.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX: truy thu của bị cáo số tiền gốc sử dụng cho vay là 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* và số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.619.177đ *(hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm bẩy mươi bẩy đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng cộng hai khoản tiền truy thu là 22.619.177đ *(hai mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm bẩy mươi bẩy đồng)*.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên toà, bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất, hoàn cảnh khó khăn, một mình đang ở nhờ nhà anh trai nuôi hai con đi học nên xin được miễn hình phạt tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị M, ông Hà Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra bà M, ông T đều trình bày đúng với nội dung vụ án. Bà M, ông T xác định các giao dịch liên quan đến vay tiền do bà M trực tiếp trao đổi với bị cáo, ông T chỉ liên quan trong việc bà M thỉnh thoảng có nhờ ông chuyển khoản tiền trả cho bị cáo. Bà M có văn bản trình bày đã nhận lại số tiền do bị cáo thu lời bất chính trả lại và đã trả lại số tiền gốc cho bị cáo; không đề nghị gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lục Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6/2023, trên địa bàn thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang: Trong khi thực hiện các giao dịch dân sự cho vay tiền, bị can Lục Thị D đã cho Hoàng Thị M vay 02 lần tiền với mức lãi suất là 391,07%/năm, gấp 19,55 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm), cụ thể như sau:

Ngày 30/3/2023, bị cáo cho M vay 20.000.000đ, lãi suất là 1.500.000 đồng/tuần. Tính từ ngày 30/3/2018 2006/5/2023 là 48 ngày (07 tuần), M đã trả xong tiền nợ gốc 20.000.000đ và trả lãi 10.100.000đ cho D. Trong giao dịch trên, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 526.027đ. Như vậy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 9.573.973đ.

Ngày 03/6/2023, bị cáo sử dụng chính số tiền vốn gốc 20.000.00đ trên để cho M vay với lãi suất thỏa thuận là 3.000.000đ/02 tuần. Từ ngày 03/6/2023 đến ngày 11/12/2023 là 191 ngày, M không trả được tiền nợ gốc, đã trả tiền lãi cho D tổng số tiền 34.200.000đ. Trong đó, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 2.093.150đ, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 32.106.850đ.

Như vậy: trong 02 giao dịch dân sự trên, tổng số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng là 20.000.00đ (số tiền 20.000.000đ được sử dụng 02 lần); Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của M là 44.300.000đ *(bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng);* Tổng số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 2.619.177đ. Tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính được xác định là 41.680.823đ *(Bốn mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).*

Như vậy hành vi của bị cáo Lục Thị D đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có nhận thức, đã biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX nhận định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; bà Hoàng Thị M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho bị cáo D theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về hướng xử lý: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu: năm 2021 bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc, đã chấp hành án xong, được xóa án tích, nhưng qua đó cho thấy bị cáo là người chấp hành pháp luật không tốt. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, xét thấy cần xét xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* bị cáo sử dụng cho Hoàng Thị M vay là số tiền sử dụng vào việc phạm tội, bà M đã trả lại cho bị cáo nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do bị cáo đã thu của bà M là 41.680.823đ *(bốn mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn tám trăm hai ba đồng)* bị cáo đã trả lại cho bà M, bà M, ông T không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của bà M là 2.619.177đ cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 bì niêm phong 01 USB lưu giữ video ghi hình nội dung M bản xe máy cho bị cáo và 01 bì niêm phong 01 USB ghi lời khai bị cáo ngày 17/12/2023 cần lưu hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 proMax tuy bị cáo có sử dụng vào giao dịch vay tiền với Hoàng Thị M, nhưng chủ yếu sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình là chính nên không cần thiết phải tịch thu, cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22013728 mang tên chủ xe Hoàng Thị M do bị cáo giữ để hợp thức hóa việc vay tiền, cần trả lại cho bà Hoàng Thị M.

[8] Đối với việc bị cáo cho các ông bà Hồ Văn H, Nguyễn Văn C, Đặng Phương N, Hà Văn T, Hoàng Thị T, Hoàng Thị H đều cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên trong các giao dịch trên mức lãi suất cho vay chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, do đó không đủ cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Lục Thị D phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lục Thị D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Lục Thị D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

2. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả lại cho Lục Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 proMax;

- Trả lại cho Hoàng Thị M 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22013728, mang tên Hoàng Thị M.

- Truy thu của bị cáo Lục Thị D tổng số tiền là 22.619.177đ *(hai mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm bẩy mươi bẩy đồng).*

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lục Thị D phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án đối với phần nội dung liên quan trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã K;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Minh **Lộc Thị Kim Thơm** **Nguyễn Văn Toàn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Trung Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thuỷ